

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Dũng Phương và ông Nguyễn Quang Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị P, sinh năm 1979;

- Bị đơn: Ông Thiệu Văn P, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, Ấp X, xã N T, huyện T P, Đồng Nai.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị P trình bày:

Bà và ông Thiệu Văn P tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng thì tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N T, huyện T P cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm đầu. Sau đó, do ông P uống rượu, đánh nhau với họ hàng của bà. Do bà và ông P đều có con riêng trước khi kết hôn với nhau nên khi bà chăm sóc cho con riêng thì ông P chửi bới, xúc phạm bà. Vì con chung còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, từ cuối năm 2019, bà đã đưa con về nhà riêng của bà sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bản thân bà nhận thấy, vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương nhau nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thiệu Văn P.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông P có 01 con chung là Thiệu Huy P, sinh ngày 30/5/2018. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông P cấp nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ghi ngày 27/8/2020, bị đơn ông Thiệu Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N T, huyện T P, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung đến tháng 6/2019 thì bà P chuyển về nhà riêng của mình ở xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do trong thời gian sống chung vợ chồng không hòa hợp với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn và bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà Vũ Thị P.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Thiệu Huy P, sinh ngày 30/5/2018. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Vũ Thị P được ly hôn với ông Thiệu Văn P; về con chung: Giao cháu Thiệu Huy P, sinh ngày 30/5/2018 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng; và ông P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí

hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và bị đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Thiệu Văn P cư trú tại ấp Ấp X, xã N T, huyện T P, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà P khởi kiện đối với ông P. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà P là nguyên đơn, ông P là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N T, huyện T P, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 17 tháng 10 năm 2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi bà P yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Trong thời gian sống chung, các đương sự có xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp, cãi vã với nhau. Thêm vào đó, ông P có uống rượu nên gây gổ với họ hàng bên vợ làm tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ giữa năm 2019, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông P cũng đồng ý ly hôn với bà P. Tuy nhiên, do ông P làm đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, cũng như các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự có 01 con chung là Thiệu Huy P, sinh ngày 30/5/2018. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ông P đồng ý chấp nhận yêu cầu của bà P. Vì vậy, giao cháu Phúc cho bà P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là đúng pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị P.

1.1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị P được ly hôn với ông Thiệu Văn P.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Thiệu Huy P, sinh ngày 30/5/2018 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Thiệu Văn P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số

006105 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà P đã nộp đủ.

Ông Thiều Văn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã N T, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 47 ngày 17/10/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam